

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kế

2. Bà Đoàn Thị Thu

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương, Thư ký toà án nhân dân huyện Tiên Lữ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Duyên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Bá Đ, sinh năm 1961

Nơi sinh: Quận Đ, thành phố HN; Nơi cư trú: Tổ 7, phường V, quận HM, thành phố HN; Chỗ ở: Số 9/26, tổ 10, phường T, quận LB, thành phố HN; dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Trình Đ văn hoá: 10/10; Nghề nghiệp: Lao Đng tự do; con ông Vũ Thế Q (đã chết) và bà Phùng Thị X (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Kim L và có 3 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 05/9/2017 bị Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác.

Bị tạm giam từ ngày 24/11/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

-Người bị hại:

Bà Lương Thị Bích N, sinh năm 1963 “*Có mặt*”

Ông Bô Xuân T, sinh năm 1962 “*Có mặt*”

Cùng trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn V, huyện T, tỉnh HY

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Bô Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn V, huyện TL, tỉnh HY “*Có mặt*”

Chị Nguyễn Thị T (TH), sinh năm 1988

HKTT: Đì 7, xã Th, huyện TH, tỉnh TH “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Phường GQ, quận LB, thành phố HN

Ông Bùi Đình H, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn VN, thị trấn BYN, huyện MH, tỉnh HY “*Vắng mặt*”

-Người làm chứng

-A Nguyễn Văn D, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn V, huyện TL, tỉnh HY “*Vắng mặt*”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Bá Đ làm nghề kinh doanh, sửa chữa thiết bị y tế và có quen biết ông Bùi Đình H. Do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân, Đ nói với ông H mình có quen biết bà A là Giám đốc bệnh viện Đa khoa KC (hiện nay bà A là Giám đốc Sở y tế HY) nên có khả năng xin cho một người làm điều dưỡng hoặc y sỹ tại bệnh viện của tỉnh HY, có người thân nào chưa xin được việc thì Đ xin cho nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của người nhờ xin việc. Ông H có nói lại chuyện biết một người có khả năng xin việc với cháu họ tên là Nguyễn Văn D và bảo có ai học trường Y thì ông sẽ giới thiệu giúp. Do biết bà Lương Thị Bích N có con gái là Bồ Thị N, sinh năm 1991 học Cao đẳng y tế HY đã ra trường nhưng chưa xin được việc nên D cho bà N biết ông H có khả năng giúp xin việc cho N. Bà N liên hệ với ông H nhờ xin việc cho N thì được ông H giới thiệu và cho số điện thoại của Đ. Sau đó bà N chủ Đng liên lạc với Đ qua điện thoại và Đ nói dối bà N là có khả năng xin được cho N vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh HY với giá là 300.000.000 đồng. Đ hứa nếu không xin được sẽ hoàn trả lại tiền nên bà N đồng ý yêu cầu của Đ. Ngày 23/6/2016, chị N cùng bố đẻ là ông Bồ Xuân Tmang hồ sơ xin việc và số tiền 20.000.000 đồng đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện Khoái Châu đưa cho chị Nguyễn Thị T (tức TH) sinh năm 1988, ở phường Gia Quất, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo sự chỉ dẫn của Đ. Tại đây T có viết một giấy biên nhận nội dung: “*Nguyễn Thị TH, Đ 7, Thiệu Thành, TH Hoá, TH ngày 23.6.2016 đã nhận chú T bộ hồ sơ và 20.000.000 đồng*”. Sau đó, chị T mang 20.000.000 đồng và hồ sơ của N đưa lại cho Đ. Một thời gian sau, Đ lại gọi điện cho bà N yêu cầu chuyển tiếp 20.000.000 đồng để nộp hồ sơ vào Sở nội vụ tỉnh Hưng Yên xin việc cho N được thuận lợi. Bà N đồng ý, ngày hôm sau, ông T mang 20.000.000 đồng đến một quán nước gần trường Trung học phổ thông huyện KC đưa cho Đ. Khi nhận được hồ sơ, Đ kiểm tra thấy thiếu chứng chỉ nên đã nhắn tin cho N với nội dung: “*Sở Y tế HY thông báo đồng chí Bồ Thị N: Hồ sơ của đồng chí chưa đầy đủ, liên hệ lại với nơi nộp hồ sơ để hoàn tất trước ngày 23/7/2016*”. Bà N gọi điện cho Đ hỏi thì Đ lại bảo là N thiếu chứng chỉ và làm hồ sơ cấp chứng chỉ ngay, chuyển cho Đ đến địa chỉ: “*Lương Thị L, số nhà 113, ngách 124/22/53, TL, TH, HN*” để Đ xin chứng chỉ cho đồng thời Đ bảo bà N phải chuyển hết số tiền xin việc còn lại cho Đ vào số tài khoản là 1400205190672 của Đ tại N hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh LH- HN và hứa đến tháng 9/2016 N sẽ được vào làm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh HY. Từ ngày 12/7/2016 đến ngày 05/9/2016, thông qua N hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện TL, bà N đã chuyển vào tài khoản của Đ 04 lần với tổng số tiền

260.000.000 đồng. Hết tháng 9/2016, chưa thấy N được gọi đi làm bà N tiếp tục gọi điện cho Đ hỏi thì Đ nói sang tháng 11/2016 N sẽ được đi làm.

Trong thời gian nhận xin việc, Vũ Bá Đ còn củng cố niềm tin cho gia đình bà N bằng cách Đ tự soạn thảo Quyết định tuyển dụng Bồ Thị N vào làm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên sau đó đưa cho N ký vào phần người nhận quyết định và nói với N là Đ sẽ cầm quyết định đó đi xin người có thẩm quyền ký là hoàn thành. Thực tế khi nhận được tiền và hồ sơ xin việc của N thì Đ đã sử dụng hết số tiền đó vào mục đích cá nhân và trả nợ, Đ không nộp hồ sơ xin việc ở đâu và không liên lạc với ai để xin việc cho N.

Đến hết tháng 11/2016, N vẫn chưa có quyết định tuyển dụng vào làm ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh HY nên bà N gọi điện cho Đ thì không liên lạc được với Đ. Gia đình bà N đã đi tìm Đ để đòi lại số tiền xin việc nhưng không biết Đ ở đâu. Ngày 18/6/2017 bà N gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TL đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi của Đ.

Theo bản sao kê chi tiết giao dịch tài khoản 1400205190672 mang tên Vũ Bá Đ do N hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cung cấp, bà Lương Thị Bích N đã chuyển tiền cho Đ vào các ngày 12/7/2016, 21/7/2016, 01/8/2016 và 05/9/2016 với tổng số tiền 260.000.000 đồng.

Về vật chứng: quản lý 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen có imei 1 là 356083/06/035949/0; imei 2 là 356084/06/035949/8 đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 sim Vinaphone số thuê bao 0944972999 là chiếc điện thoại và sim Đ dùng để nhắn tin cho N thông báo hồ sơ xin việc chưa đầy đủ; 01 giấy chứng minh nhân dân số 010394224 mang tên Vũ Bá Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông T, bà N yêu cầu Đ phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng đã chiếm đoạt nhưng đến nay Đ chưa trả được số tiền trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và chấp nhận bồi thường cho bà N, ông T số tiền 300.000.000đ.

Bị hại bà N và ông T đề nghị xét xử nghiêm bị cáo theo quy định pháp luật và buộc bị cáo phải bồi thường cho ông bà số tiền đã chiếm đoạt là 300.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bồ Thị N xác định chị chỉ bị ảnh hưởng một chút về tinh thần bởi hành vi phạm tội của bị cáo nên chị không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKSTL ngày 14/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ truy tố bị cáo Vũ Bá Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trên cơ sở toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được HĐXX thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2016, do cần tiền để trả nợ và sử dụng vào việc cá nhân, Đ đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà N, ông T số tiền 300.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS năm 2015. Do đó, VKSND huyện Tiên Lữ giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, bị cáo có anh ruột là Vũ Bá T là liệt sĩ nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo từ 09 năm 06 tháng tù đến 10 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung công quỹ nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lương Thị Bích N và ông Bò Xuân T số tiền 300.000.000đ. Về xử lý vật chứng: đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, tịch thu cho phát mại sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim Vinaphone số thuê bao 0944972999 thu giữ của bị cáo Đ; trả lại cho bị cáo 01 CMTND số 010394224 mang tên Vũ Bá Đ; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Bị cáo Đ nói lời sau cùng, đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trả lời tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lữ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám xét ngày 24/11/2017; giấy nộp tiền vào tài khoản do bà Lương Thị Bích N chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo tại N hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn LH vào ngày 5/9/2016, ngày 2/7/2016, ngày 12/7/2016 và ngày 1/8/2016; lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Bích N, ông Bò Xuân T, chị Bò Thị N; chị Nguyễn Thị T (TH), ông Bùi Đình H, người làm chứng anh Nguyễn Văn D..., Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2016, do cần tiền để trả nợ và sử dụng vào việc cá nhân, Vũ Bá Đ đã có thủ đoạn gian dối là nói với bà N có quen biết Giám đốc Sở Y tế tỉnh HY và có thể xin cho chị N- con gái bà N vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh HY với chi phí 300.000.000đ. Thực chất, Đ không có khả năng xin việc, sau khi nhận tiền do bà N chuyển, Đ không nộp hồ sơ

và không liên hệ với ai để xin việc cho chị N mà sử dụng hết số tiền 300.000.000đ chiếm đoạt được của bà N, ông T vào mục đích cá nhân. Do đó, bị cáo đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS năm 2015 như cáo trạng của VKSND huyện Tiên Lữ truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức Đ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo Đ biết rất rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 05/9/2017 bị Công an Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, đến nay chưa chấp hành.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo với thái Đ ăn năn, hối cải; anh trai ruột bị cáo là liệt sĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy phải áp dụng mức hình phạt thích đáng đối với bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đáp ứng nhu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện Tiên Lữ tại phiên tòa hôm nay.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Theo cung cấp của chính quyền địa phương, gia đình và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm nghề kinh doanh buôn bán và sửa chữa thiết bị y tế, ngoài ra còn làm lao động tự do, thu nhập từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng nên HĐXX quyết định phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ

Đối với chị Nguyễn Thị T (TH) là người nhận hộ bị cáo số tiền 20.000.000đ và 01 bộ hồ sơ xin việc của chị N và ông Bùi Đình H là người giới thiệu Đ với bà N, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định chị T và ông H không biết việc Đ lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông T, bà N và không hưởng lợi gì từ việc Đ lừa đảo. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý hình sự đối với chị T và ông H là có căn cứ.

Đối với Lương Thị L là người có hành vi nhận hộ Đ 01 bộ hồ sơ xin học lấy chứng chỉ về nội soi, chẩn đoán hình ảnh của chị N hiện vắng mặt tại nơi cư trú nên chưa có đủ căn cứ để chứng minh Lan có đồng phạm với Đ hay không. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo chiếm đoạt của bà N và ông T số tiền 300.000.000đ, đến nay bị cáo chưa hoàn trả cho người bị hại nên buộc bị cáo phải trả lại cho bà N, ông T số tiền này theo quy định tại Điều 584, 585, 589 BLDS năm 2015 và khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim Vinaphone số thuê bao 0944972999 thu giữ của bị cáo Đ, xét đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu cho phát mại sung công quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với 01 chứng minh nhân dân số 010394224 mang tên Vũ Bá Đ, quá trình điều tra và tại phiên toà đã làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng trong vụ án là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 45, 46, 260, 268, 269, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Bá Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Bá Đ **09** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 24/11/2017.

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Bá Đ số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015, buộc bị cáo Vũ Bá Đ phải bồi thường cho bà Lương Thị Bích N và ông Bồ Xuân T, cùng trú tại Tiểu khu 4, thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án và cơ quan THADS ra quyết định thi hành về khoản tiền bị cáo phải hoàn trả, tiền phạt bổ sung, nếu bị cáo Vũ Bá Đ không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với

số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim Vinaphone số thuê bao 0944972999.

Trả lại bị cáo Vũ Bá Đ 01 chứng minh nhân dân số 010394224 mang tên Vũ Bá Đ

(Tình trạng số lượng vật chứng theo phiếu nhập kho vật chứng ngày 23/3/2018 giữa cơ quan Công an và Chi cục THADS Tiên Lữ)

6. Về án phí: Bị cáo Vũ Bá Đ phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự và 15.000.000đ án phí dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu toà án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hương

